

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 03/2023/HS-ST

Ngày: 02/02/2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Nam Phước và ông Nguyễn Đình Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Quang T**, sinh năm 2000 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang H (sinh năm 1969) và bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1967); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2022 đến nay tại cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an huyện Đ; có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Ông Lê Văn V, sinh năm 2000; trú tại: khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lê Văn A, sinh năm 1967; trú tại: khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

* *Người làm chứng:*

- Ông Lê Việt T, sinh năm 2000; trú tại: khu H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Phú P, sinh năm 2000; trú tại: thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 2000; trú tại: thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24/5/2022, Lê Quang T đi đám cưới tại nhà hàng T thuộc khu N, thị trấn A, huyện Đ thì gặp Lê Văn V. Tại đây, bị hại V có đến mời T uống bia, khi bị T từ chối thì V có thái độ không hài lòng rồi gây gổ, chửi tục, thách đố đánh nhau với T dẫn đến cả hai có lời qua tiếng lại và mâu thuẫn với nhau thì được mọi người can ngăn. Sau đó, T điều khiển xe về nhà mình tại thôn H, xã N lấy 01 cây kiếm tự chế (*dài 62,5cm, có lưỡi bằng kim loại dài 44,5cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 18 cm*) quay lại nhà hàng T để tìm V đánh. Còn V sau khi thấy T đi về hướng xã N thì V về nhà cầm 01 cái rựa (*dài 49 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài khoảng 27 cm, phần cán bằng gỗ, hình trụ tròn dài 22 cm*) đi ra cổng chào cách nhà V 20 mét. Tại đây, T dùng tay phải cầm kiếm chém về phía V từ trên xuống, thấy vậy V đưa tay trái lên đỡ nên kiếm chém trúng bàn tay trái của V làm đứt lìa ngón 2,3 bàn tay trái làm kiếm trên tay T rơi xuống đất nên V nhặt kiếm lên chém trúng vào vùng mặt bên phải của T gây thương tích. Sau đó được mọi người can ngăn và đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam đến ngày 08/6/2022 V xuất viện.

- Tại Bản giám định thương tích số: 277/GĐTT.22 ngày 04/7/2022 và Công văn số: 120/GĐPY ngày 28/7/2022 của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận tỷ lệ thương tích của Lê Văn V cộng giat lùi là 18%:

+ Mặt sau trong đoạn 1/3 giữa cẳng tay trái có vết rách lóc da và cơ đã lành để lại sẹo lồi hình vòng cung dài 9,3cm, chỗ rộng nhất 0,5cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Hướng từ dưới lên trên, từ phải sang trái. Vận động sấp, ngửa cẳng tay và gập, ngửa cổ tay trái được bình thường. Tỷ lệ thương tích 03%.

+ Bàn tay trái có vết rách da, cơ và vết mổ từ mặt mu đầu xa xương bàn II vòng ra trước băng qua mặt gan khớp bàn ngón III, IV đã lành sẹo dài 7,5cm, rộng 0,2cm (tháo khớp bàn ngón II tay trái, mổ cắt lành sẹo tốt). Tỷ lệ thương tích 11%. Khuyết đầu xa xương bàn III kèm bán trật khớp bàn ngón III bàn tay trái. Tỷ lệ thương tích 05%. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ dưới lên trên, từ trái sang phải. Bệnh nhân còn tê bì ngón III bàn tay trái. Vận động gập, duỗi ngón III bàn tay trái còn hạn chế, gập, duỗi ngón IV, V bàn tay trái được bình thường.

- Bản giám định thương tích số: 279/GĐTT.22 ngày 05/7/2022 của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận tỷ lệ thương tích của Lê Quang T: Bờ ngoài hốc mắt phải đến phía ngoài gò má phải có vết rách da và cơ đã lành để lại sẹo thâm dài 3,6cm, rộng 0,2cm. Vết thương này do vật sắc cạnh tác động gây nên. Hướng từ phải sang trái. Bệnh nhân há miệng được bình thường. Tỷ lệ thương tích 07%. Vùng mặt và vùng cùng đòn bên phải không phải là vùng trọng yếu. Trường hợp này chỉ gây vết thương phần mềm và trật khớp cùng đòn vai phải đã được nắn chỉnh về đúng vị trí giải phẫu. Nếu không được cấp cứu kịp thời cũng không dẫn đến chết người.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số: 53/CT-VKSĐL ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc đã truy tố bị cáo Lê Quang T về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo Lê Quang T mức án từ 12 (*Mười hai*) đến 15 (*Mười lăm*) tháng tù giam về tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo T và bị hại V tại phiên tòa.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

Bị hại khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo; những người làm chứng khai nhận sự việc như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nên xin lỗi đến bị hại, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa người làm chứng ông Lê Việt T vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng này.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

{2.1} Về hành vi, căn cứ buộc tội: Xét lời nhận tội của bị cáo Lê Quang T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, người bị hại, người làm chứng, bản thực nghiệm điều tra, bản giám định thương tích cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 24/5/2022, bị cáo Lê Quang T đi đám cưới tại nhà hàng T thuộc khu N, thị trấn, huyện Đ thì gặp bị hại Lê Văn V. Tại đây, bị hại V có đến mời bị cáo T uống bia, khi bị cáo T từ chối thì bị hại V có thái độ không hài lòng rồi gây gổ, chửi tục, thách đố đánh nhau với bị cáo T dẫn đến cả hai xảy ra mâu thuẫn có lời qua tiếng lại thì được mọi người can ngăn. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe về nhà lấy 01 cây kiếm tự chế quay lại nhà hàng T để tìm bị hại V đánh. Còn bị hại V sau khi thấy bị cáo T đi về thì bị hại V cũng về nhà cầm 01 cái rựa đi ra cổng chào cách nhà V 20 mét. Tại đây, bị cáo Lê Quang T dùng cây kiếm tự chế chém vào

bàn tay trái của bị hại Lê Văn V gây thương tích 18%. Khi kiểm rơi xuống đất thì bị hại V nhặt kiểm và chém vào vùng mặt bên phải của bị cáo T gây thương tích 07%.

Hành vi của bị cáo Lê Quang T dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho sức khỏe bị hại Lê Văn V tỷ lệ thương tích 18%, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 (với tình tiết định khung tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

{2.2} Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Xuất phát từ việc gặp nhau trong đám cưới, khi bị hại mời bị cáo uống bia và bị từ chối thì bị hại có thái độ không hài lòng rồi gây gổ, chửi tục, thách đố đánh nhau với bị cáo dẫn đến cả hai xảy ra mâu thuẫn có lời qua tiếng lại thì được mọi người can ngăn. Sau đó, bị cáo dùng cây kiếm tự chế chém vào bàn tay trái của bị hại gây ra thương tích 18%. Hành vi mà bị cáo thực hiện việc phạm tội là rất nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, không chỉ làm tổn hại trực tiếp đến sức khỏe của bị hại, mà còn gây ra tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, theo quy định pháp luật cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội gây ra, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục riêng, đồng thời rèn đe phòng ngừa chung tội phạm là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; trước khi đưa vụ án ra xét xử bị cáo bị tạm giam có tác động gia đình đề nộp khoản tiền nhằm khắc phục bồi thường thiệt hại gây ra tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

{2.3} Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Lê Văn V bị thương tích được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam thời gian từ ngày 24/5/2022 đến ngày 08/6/2022. Tại phiên tòa, bị hại V yêu cầu bị cáo T phải bồi thường các khoản chi phí gồm tiền điều trị tại bệnh viện 12.871.671 đồng, tiền ngày công lao động mất thu nhập 500.000 đồng/ngày x 16 ngày = 8.000.000 đồng, tiền ngày công người chăm sóc mất thu nhập 300.000 đồng/ngày x 16 ngày = 4.800.000 đồng, tiền bồi dưỡng sức khỏe 200.000 đồng/ngày x 16 ngày = 3.200.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần 31.128.329 đồng; tổng cộng là 60.000.000 đồng. Bị cáo Lê Quang T thỏa thuận chấp nhận bồi thường các khoản chi phí với số tiền theo yêu cầu của bị hại V. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

{2.4} Về xử lý vật chứng: Tang vật của vụ án là 01 cây kiếm tự chế dài 62,5cm, có lưỡi bằng kim loại dài 44,5cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 18cm mà bị cáo Lê Quang T sử dụng để gây thương tích không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với tang vật vụ án là 01 con dao (*cái rựa*) dài 49cm, phần lưỡi bằng kim loại dài khoảng 27cm, phần cán bằng gỗ, hình trụ tròn dài 22cm mà bị hại Lê Văn V dùng để đánh nhau là tài sản của gia đình bị hại V. Tại phiên tòa ông Lê Văn A (*cha ruột V*) không yêu cầu trả lại nên Hội đồng xét xử cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

{2.5} Về vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với hành vi của Lê Văn V gây thương tích cho bị cáo Lê Quang T 07%, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T không có yêu cầu xử lý đối với V về hành vi gây thương tích cho bị cáo T. Trước đó, Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Văn V bằng hình thức phạt tiền 6.500.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô bị cáo Lê Quang T dùng để đi về nhà lấy kiếm đến đánh nhau với bị hại Lê Văn V. Quá trình điều tra xác định, khi ra khỏi nhà hàng T, bị cáo T nhìn thấy 01 xe mô tô (*bị cáo T không nhớ đặc điểm, biển số và không biết của ai*) có sẵn chìa khóa trên xe nên bị cáo T điều khiển chạy về nhà lấy kiếm quay lại đánh nhau với bị hại V nên không có cơ để lý.

{2.6} Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội: "*Cố ý gây thương tích*".

Xử phạt bị cáo Lê Quang T **12 (Mười hai)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 07/9/2022.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Lê Quang T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Văn V số tiền **60.000.000** đồng (*Sáu mươi triệu đồng y*), đã nộp trước 5.000.000 đồng (*theo biên thu số 0002328 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ*).

“Kể từ ngày bị hại V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo T không thực hiện nghĩa vụ bồi thường nêu trên thì hằng tháng bị cáo T còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm”.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) cây kiếm tự chế dài 62,5cm, có lưỡi bằng kim loại dài 44,5cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 18cm.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) con dao (*cái rựa*) dài 49cm, phần lưỡi bằng kim loại dài khoảng 27cm, phần cán bằng gỗ, hình trụ tròn dài 22cm.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận ngày 23/12/2022).

4. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Quang T phải chịu **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn đồng y*) án phí hình sự sơ thẩm và **3.000.000** đồng (*Ba triệu đồng y*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

